

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2024/DS-ST

Ngày 31-5-2024

V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Long;
2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Hà Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 604/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Địa chỉ trụ sở chính: Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1970, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Trọng T, chức vụ: Tổng giám đốc Công ty AMC kiêm Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Đặng Dờng K' H, sinh năm 1994 (có mặt);

- Ông Nguyễn Võ Đ (vắng mặt);

- Ông Võ Ngọc H (vắng mặt);

Cùng địa chỉ liên lạc: Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Trung H, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 3, ấp C2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 28/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Đồng K' H trình bày:

Ông Phạm Trung H có ký Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0300/2018/925-CV ngày 17/12/2018 với Ngân hàng thương mại cổ phần A để vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng), mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất 12,5%/năm, thay đổi 03 tháng/lần. Ngân hàng đã giải ngân số tiền theo hợp đồng và ông H đã nhận đủ số tiền theo Giấy nhận nợ số 01/GNN-0300/2018/925-CV ngày 17/12/2018.

Từ ngày 21/02/2019 ông H không thanh toán bất kỳ khoản nào, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù ngân hàng đã có nhiều biện pháp nhắc nhở. Ông H đã trả tiền vốn cho ngân hàng 02 lần vào ngày 17/01/2019 trả số tiền 5.556.000 đồng, ngày 17/02/2019 trả số tiền 5.556.000 đồng, tiền gốc đã trả 11.112.000 đồng và số tiền lãi 02 lần đã trả là 21.125.071 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Trung H thanh toán số tiền nợ còn lại tính đến ngày 24/8/2020 tổng cộng là 1.220.347.048 đồng (trong đó nợ gốc là 988.888.000 đồng, lãi 231.459.048 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H có trách nhiệm trả lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Phạm Trung H không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Phạm Trung H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0132/2018/925-BĐ ngày 17/12/2018 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 1883m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03840 ngày 14/12/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Trung H.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; bản tự khai; bản sao hồ sơ pháp lý của Ngân hàng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng, văn bản ủy quyền; lịch trả nợ; hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần; hợp đồng thế chấp; giấy nhận nợ; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cước công dân và sổ hộ khẩu của ông H, Bảng tính lãi.

Bị đơn ông Phạm Trung H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối ông H.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Phạm Trung H trả số tiền nợ tính đến ngày 31/5/2024 tổng cộng là 1.969.589.451 đồng (trong đó tiền gốc 988.888.000 đồng, tiền lãi 980.701.451 đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu ông H có trách nhiệm trả lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Phạm Trung H không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp

theo hợp đồng thế chấp đã ký. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản khác của ông H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Trung H phải thanh toán số tiền chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/02/2019 đến ngày 17/3/2019 là 79.916 đồng. Nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn ông Phạm Trung H trả số tiền nợ tính đến ngày 31/5/2024 tổng cộng là 1.969.509.536 đồng (trong đó tiền gốc 988.888.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.482.488 đồng, lãi chậm trả lãi 4.941.286 đồng, lãi quá hạn 966.197.762 đồng).

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền gốc là 988.888.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.482.488 đồng, lãi chậm trả lãi 4.941.286 đồng, lãi quá hạn 966.197.762 đồng và đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/02/2019 đến ngày 17/03/2019 là 79.916 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần nên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là ông Phạm Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Võ Đ, ông Võ Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại Giấy ủy quyền số 765/2023/UQ-AMC ngày 30/10/2023 có nội dung ủy quyền cho “*ông Đăng Dờng K’ H hoặc ông Nguyễn Võ Đ hoặc ông Võ Ngọc H*”. Như vậy, việc vắng mặt của ông Đ và ông H tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/02/2019 đến ngày 17/03/2019 là 79.916 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Phạm Trung H trả số tiền nợ tính đến ngày 31/5/2024 tổng cộng là 1.969.509.536 đồng (trong đó tiền gốc 988.888.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.482.488 đồng, lãi chậm trả 4.941.286 đồng, lãi quá hạn 966.197.762 đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu ông H có trách nhiệm trả lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Phạm Trung H không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản khác của ông H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ông Phạm Trung H có ký Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với Ngân hàng thương mại cổ phần A số 0300/2018/925-CV ngày 17/12/2018 để vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng), mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất 12,5%/năm, thay đổi 03 tháng/lần. Ngân hàng đã giải ngân số tiền theo hợp đồng và ông H đã nhận đủ số tiền theo Giấy nhận nợ số 01/GNN-0300/2018/925-CV ngày 17/12/2018. Tính đến ngày 31/5/2024 ông H còn nợ ngân hàng tổng cộng là 1.969.509.536 đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0132/2018/925-BĐ ngày 17/12/2018 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 1883m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03840 ngày 14/12/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Trung H. Hợp đồng thế chấp trên được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Căn cứ các Điều 317, 320, 318, 319 của Bộ luật dân sự 2015; xét thấy hợp đồng thế chấp trên giữa các bên là hợp pháp và phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/02/2019 đến ngày 17/03/2019 là 79.916 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[4] Đối với yêu cầu ông Phạm Trung H phải thanh toán số tiền chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở.

Bị đơn ông H đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ án nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Toà thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[5] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền gốc là 988.888.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.482.488 đồng, lãi chậm trả lãi 4.941.286 đồng, lãi quá hạn 966.197.762 đồng và đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/02/2019 đến ngày 17/03/2019 là 79.916 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2024 thể hiện phần đất thế chấp có diện tích 1883m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03840 ngày 14/12/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Trung H là đất trồng.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 299, Điều 244, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Phạm Trung H phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 1.969.509.536 đồng (trong đó tiền gốc 988.888.000 đồng, tiền lãi trong hạn 9.482.488 đồng, lãi chậm trả lãi 4.941.286 đồng, lãi quá hạn 966.197.762 đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ đối với số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/02/2019 đến ngày 17/03/2019 là 79.916 đồng. Đồng thời, cần buộc ông Phạm Trung H có trách nhiệm trả lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông Phạm Trung H không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản khác của ông H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Phạm Trung H phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tổng cộng là 1.969.509.536 (Một tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu năm trăm lẻ chín ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng), thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Trung H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngay sau khi ông Phạm Trung H thanh toán hết tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Trung H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03840 ngày 14/12/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Trung H.

Nếu ông Phạm Trung H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 1883m² thuộc thửa 657, tờ bản đồ số 3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03840 ngày 14/12/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Trung H để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản khác của ông Phạm Trung H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu đối với số tiền lãi quá hạn từ ngày 17/02/2019 đến ngày 17/03/2019 là 79.916 (Bảy mươi chín ngàn chín trăm mười sáu đồng).

3. Buộc ông Phạm Trung H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền chi phí tố tụng là 10.000.000 (Mười triệu đồng).

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Trung H phải nộp là 71.085.286 (Bảy mươi một triệu không trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 24.305.206 (Hai mươi bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn hai trăm lẻ sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0085207 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Thanh Thà